

Biểu số: 37/STNMT

Ban hành kèm theo Thông
tư số 20/2018/TT-BTNMT
ngày 08/11/2018 của Bộ
Tài nguyên và Môi trường

Ngày nhận báo cáo: Ngày
15/02 năm sau

**TỶ LỆ CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH
DOANH**

**PHÁT SINH NƯỚC THẢI TỪ
50m³/ngày đêm TRỞ LÊN**

**CÓ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
BẢO ĐẢM**

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Năm.....

Đơn vị báo cáo: Sở
Tài nguyên và Môi
trường tỉnh, thành
phố...

Đơn vị nhận báo
cáo:
- Vụ Kế hoạch - Tài
chính;
- Tổng cục Môi
trường

STT	Đơn vị hành chính	Mã số	Cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh nước thải từ 50 m ³ /ngày trở lên (cơ sở)	Cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh nước thải từ 50 m ³ /ngày đêm trở lên có hệ thống xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (cơ sở)	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh nước thải từ 50 m ³ /ngày đêm trở lên có hệ thống xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (%)
-----	-------------------------	----------	--	---	--

			Tổ ng số	K h u c ô n g n g h i ệ p	Cụ m cô ng ng hiệ p	C ơ sở sả n xu ất ki nh do an h ng oà i kh u, cụ m cô ng ng hi ệ p	Tổ ng số	K hu cô ng ng hi ệ p	C ụ m c ô n g n g h i ệ p	Cơ sở sả n xu ất kin h do an h ng oài kh u, cụ m cô ng ng hiệ p	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số										
1	Huyện A										
2	Huyện B										
											

Ngày...tháng...năm...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 37/STNMT. Tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh nước thải từ 50 m³/ngày đêm trở lên có hệ thống xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

1. Phạm vi thống kê

Thống kê số lượng, tỷ lệ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh ngoài khu, cụm công nghiệp (gọi chung là cơ sở sản xuất, kinh doanh) phát sinh nước thải trên 50 m³/ngày trở lên có hệ thống xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong năm báo cáo.

2. Cách ghi biểu

Cột B: ghi danh sách các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Cột 1: ghi tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh nước thải từ 50 m³/ngày đêm trở lên;

$$\text{Cột 1} = \text{Cột 2} + \text{Cột 3} + \text{Cột 4}$$

Cột 2, 3, 4: ghi số cơ sở sản xuất, kinh doanh (khu công nghiệp; cụm công nghiệp; cơ sở sản xuất kinh doanh ngoài khu, cụm công nghiệp) phát sinh nước thải từ 50 m³/ngày đêm trở lên;

Cột 5: ghi tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh nước thải từ 50 m³/ngày đêm trở lên có hệ thống xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

$$\text{Cột 5} = \text{Cột 6} + \text{Cột 7} + \text{Cột 8}$$

Cột 6, 7, 8: ghi số cơ sở sản xuất, kinh doanh (khu công nghiệp; cụm công nghiệp; cơ sở sản xuất kinh doanh ngoài khu, cụm công nghiệp) phát sinh nước thải từ 50 m³/ngày đêm trở lên có hệ thống xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng;

Cột 9: ghi tỷ lệ phần trăm số cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh nước thải từ 50 m³/ngày đêm trở lên có hệ thống xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

$$\text{Cột 9} = (\text{Cột 5} : \text{Cột 1}) \times 100$$

3. Nguồn số liệu

Số liệu thống kê, tổng hợp của cơ quan tài nguyên và môi trường cấp huyện; Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.